

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/ HNGĐ –ST.

Ngày : 14 - 8 - 2020.

V/v : *Ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phan Thị Nhâm.

2/ Ông Nguyễn Thanh Phong.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 141/2020/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020. Về: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 10/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích V - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: 65 L, thôn T, xã T, thành phố Phan Thiết.

Bị đơn : Anh Đỗ Thanh D – Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29/4/2020 và tại bản khai, nguyên đơn chị Trần Thị Bích V trình bày: Chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Thanh D. Chị với anh D cưới nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiến Thành, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Việc vợ chồng chung sống với nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu hơn 01 năm thì cưới. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh D tại thôn 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được 02 năm thì vợ chồng cắt nhà ra ở riêng. Vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Khi vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng chị đã đưa con về nhà ngoại sinh sống một thời gian ngắn thì anh D đến bắt con về. Sau đó chị đã rất nhiều lần đến thăm con và mong muốn nói chuyện hàn gắn nhưng anh D không đồng ý, nên chị cũng không liên lạc gì nữa, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau nữa. Thời gian vợ chồng không chung sống cùng đã gần 04 năm nên tình cảm phai nhạt, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Thanh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Thanh D1 – sinh ngày 19/4/2015. Hiện con đang ở với anh D.

Khi ly hôn chị V yêu cầu Tòa án giải quyết giao con cho anh D tiếp tục nuôi con và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của anh D để tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh D cố tình lẩn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, anh D vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Trần Thị Bích V yêu cầu được ly hôn với Đỗ Thanh D và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Anh Đỗ Thanh D có hộ khẩu thường trú tại xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn anh Đỗ Thanh D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh D.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về Hôn nhân:* Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bích V đối với anh Đỗ Thanh D. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị V và anh D cưới nhau vào năm 2012

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Thành, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu gần 01 năm. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh D được khoảng hơn 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau được gần 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị V là do trong cuộc sống hàng ngày anh chị không hòa hợp với nhau, thường xuyên cãi nhau và chị Vân bỏ về mẹ ruột sống từ năm 2016 cho đến nay, trong thời gian này vợ chồng không có gặp nhau để bàn bạc vấn đề hàn gắn. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn anh Đỗ Thanh D. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D đến Tòa để hòa giải, nhưng anh D cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tình cảm giữa chị V với anh D không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của chị V là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Thanh D1 – sinh ngày 19/4/2015. Hiện con đang ở với anh D. Khi ly hôn chị V yêu cầu Tòa án giải quyết giao con cho anh D tiếp tục nuôi con và chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị V thấy rằng để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu D là nên giao con cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, vì từ trước đến nay cháu D đã sinh sống ổn định ở với anh D. Do vậy nên chấp nhận yêu cầu của chị V.

[2.3] *Về phần cấp dưỡng nuôi con:* Trong quá trình giải quyết chị Vân không tự nguyện cấp dưỡng, còn anh D cố tình lẩn tránh, không đến Tòa để đưa ra yêu cầu của mình. Dành quyền khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác nếu anh D có yêu cầu.

[2.4] *Về tài sản và nợ:* Chị V không yêu cầu, nên không xem xét.

[3] *Về án phí:* Chị Trần Thị Bích V phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Anh Đỗ Thanh D không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72 Khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Bích V. Chị Trần Thị Bích V được ly hôn với anh Đỗ Thanh D.

2/ Về con chung:

- Về nuôi con: Giao con chung tên Đỗ Thanh D1 – sinh ngày 19/4/2015 cho anh Đỗ Thanh D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, anh D được quyền khởi kiện về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án Dân sự khác.

Chị Trần Thị Bích V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Trần Thị Bích V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị V đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006142 ngày 06/5/2020 của Chi cục thi hành án huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Anh Đỗ Thanh D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết